

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2026.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Bộ.
2. Ông Nguyễn Xuân Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc C tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 18/11/2013 tại UBND xã B, huyện T (nay là UBND xã T), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cũng như sự đồng cảm và chia sẻ thực sự. Hiện tại, tuy anh chị ở chung một nhà nhưng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là các cháu Trần Trung D, sinh ngày 05/7/2014, Trần Bình M, sinh ngày 05/7/2014. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu D và cháu M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; anh C phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (2.000.000đ/cháu/tháng); thời gian cấp dưỡng kể từ khi Tòa án giải quyết vụ án cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 21/10/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Ngọc C trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng đời sống vợ chồng, anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị H. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, thì đó là quyền của chị H, anh không can thiệp.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu D và cháu M, như chị H đã trình bày là đúng. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không mong muốn các con bị chia tách; anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn Nhân Lý, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa nơi anh Trần Ngọc C và chị Nguyễn Thị Thu H cư trú:

Anh C và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Sau thời gian chung sống hòa thuận, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng; nguyên nhân cụ thể thôn không rõ do không được đề nghị hòa giải.

Vợ chồng có hai con chung là Trần Trung D và Trần Bình M (sinh ngày 05/7/2014), hiện đang sống cùng bố mẹ tại thôn Nhân Lý, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, điều kiện sinh sống và học tập ổn định. Cả anh C và chị H đều có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, trong đó điều kiện nuôi con của chị H được đánh giá là thuận lợi hơn.

Nguyện vọng của cháu D và cháu M: Khi anh C và chị H ly hôn, các cháu đều muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 334 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Trần Ngọc C.

- Về con chung: Giao cháu Trần Trung D và cháu Trần Bình M cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trần Ngọc C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000đ/cháu/tháng); thời gian kể từ tháng 01/2026, cho đến khi cháu D và cháu M thành niên.

- Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và cùng cư trú tại xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh hoá căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Anh Trần Ngọc C là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Ngọc C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2013 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Thực tế, vợ chồng anh chị tuy đang ở chung một nhà, nhưng sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Lời khai của chị H phù hợp với ý kiến của anh C và kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị H, anh C.

[2.2] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị H, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa của đương sự; căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị H, anh C; căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho

chị được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống. Yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, với lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên, xử cho chị H được ly hôn anh C.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Ngọc C có 02 con chung là các cháu Trần Trung D, Trần Bình M (song sinh). Xét nguyện vọng của chị H, anh C về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với tình cảm và trách nhiệm của cha mẹ dành cho con cái. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự, nguyện vọng của cháu D và cháu M; để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của các cháu; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu D và cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và bảo đảm quyền lợi cho các cháu hơn.

[3.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa pH, thu nhập của đương sự ở thời điểm hiện tại và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000đ/cháu/tháng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026, cho đến khi cháu D và cháu M thành niên.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83; khoản 1 Điều 88; khoản 1 Điều 107; Điều 110; khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Trần Ngọc C.

- Về con chung: Công nhận các cháu Trần Trung D, sinh ngày 05/7/2014, Trần Bình M, sinh ngày 05/7/2014 là các con chung của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Ngọc C. Giao cháu D và cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000đ/cháu/tháng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026, cho đến khi cháu D và cháu M thành niên; anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); trừ vào số tiền 3 00.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp đã nộp tại Thi hành

án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu số: 0001463 ngày 14/10/2025. Công nhận chi H đã nộp đủ án phí.

- Anh Trần Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6;
- THADS T.Thanh Hoá;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh